**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN VĨNH THUẬN**
TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: **15**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22-5-2019
"*V/v tranh chấp ly hôn*"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Trần Thị Mỹ Vinh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* **1.** Bà Nguyễn Thị Diễn.

**2.** Bà Phan Thị Cẩm.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Trọng Nguyễn - Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận không tham gia phiên tòa.***

Ngày 22 tháng 5 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/5/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1963; Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Huỳnh Văn L (Huỳnh Mười), sinh năm 1966; Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang (Có đơn xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/4/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phượng trình bày*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà P và ông L tự nguyện tìm hiểu rồi chung sống năm 1990, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống phát sinh niều mâu thuẩn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau, ông L thường chửi bới, đánh đập bà, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay vợ chồng không còn tình cảm, không thể hàn gắn nên bà P yêu cầu ly hôn với ông L.

- *Về con chung*: Bà P xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có 03 người con tên là Huỳnh Văn T, sinh năm 1995, Huỳnh Tấn Đ, sinh năm 1995 và Huỳnh Thị Minh T, sinh ngày 01/5/2001 hiện đang sống chung trong gia đình. Hiện tại các con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Bà P xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai đề ngày 08/4/2019 bị đơn ông Huỳnh Văn L trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Thống nhất lời trình bày của bà P về quan hệ hôn nhân, vợ chồng không đăng ký kết hôn; cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nay bà P yêu cầu ly hôn ông L đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Có 03 người con tên là Huỳnh Văn T, sinh năm 1995, Huỳnh Tấn Đ, sinh năm 1995 và Huỳnh Thị Minh T, sinh ngày 01/5/2001, hiện nay các con đang sống chung trong gia đình. Hiện tại các con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Trong quá trình vợ chồng chung sống không thiếu nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[**1**] *Về thủ tục tố tụng:*

[**1.1**] Bị đơn ông Huỳnh Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa và ông L có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của ông L không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông L.

[**1.2**] Nguyên đơn bà P yêu cầu ly hôn với ông L. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị P yêu cầu ly hôn và yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nên Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn và nuôi con. Nay cháu Minh

T đã đủ 18 tuổi, bà P không yêu cầu giải quyết con chung nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp ly hôn".

[**2**] *Về nội dung vụ án*:

[**2.1**] *Về hôn nhân*: Bà P và ông L bắt đầu chung sống với nhau từ năm 1990, ông bà chung sống là tự nguyện và không vị phạm các điều kiện cấm kết hôn, quá trình chung sống ông, bà không đến Ủy ban nhân dân có thẩm quyền để đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và Gia đình nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng. Nay ông, bà xãy ra mâu thuẩn nên bà P xin ly hôn. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà P và ông L.

[**2.2**] *Về con chung*: Bà P và ông L xác định trong thời gian chung sống ông, bà có 03 người con chung tên Huỳnh Văn T, sinh năm 1995, Huỳnh Tấn Đ, sinh năm 1995 và Huỳnh Thị Minh T, sinh ngày 01/5/2001. Tại thời điểm bà L khởi kiện thì cháu T và cháu Đ đã trưởng thành, riêng cháu Minh T (sinh ngày 01/5/2001) chưa đủ 18 tuổi nên bà yêu cầu được nuôi con. Đến ngày xét xử (ngày 22/5/2019) thì cháu Minh T đã đủ 18 tuổi và bà P xác định con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[**2.3**] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà P và ông L xác định tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết và vợ chồng không thiếu nợ ai. Ông bà không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[**3**] *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ, bà P chịu toàn bộ.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1** - *Về hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị P và ông Huỳnh Văn L (Huỳnh Mười).

**2** - *Về con chung*: Các con đã trưởng thành, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**3** - *Về tài sản chung và nợ chung:*

*Về tài sản chung*: Bà P và ông L tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*Về nợ chung*: Các đương sự khai không có nợ chung, các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

**4** - *Án phí sơ thẩm*: Án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị P chịu 300.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0000067 ngày 02/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

**5** - Nguyên đơn bà P có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/5/2019). Bị đơn ông Huỳnh Văn L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trang thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Vĩnh Bình Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã Ký)